

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2024-2025

(Đối với khóa: K22)

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	FOO231	3	Bóng đá_01 (TD 22)	0	Đỗ Thái Phong	09/09/2024-03/11/2024	8									9,10,11	Sân bóng đá			
					Hoàng Minh Tuấn	04/11/2024-22/12/2024	7									9,10,11	Sân bóng đá			
2	EAS231	3	Các Khoa học trái đất_01 (QLTN 22)	0	Nguyễn Thị Bích Liên	09/09/2024-22/12/2024	15			4,5	3B.301									
					Nguyễn Thị Bích Liên	04/11/2024-15/12/2024	6							7,8,9,10,11	Thực hành 1					
3	ICS231	3	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông_01 (BC 22)	0	Phạm Chiến Thắng	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2	3B.503									
					Phạm Chiến Thắng		15							1,2	3B.503					
4	VCF332	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam_01 (QTDV 22, DTTS 22)	0	Trần Thế Dương	09/09/2024-22/12/2024	15							1,2,3	3B.202					
5	VCF332	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam_02 (DL 22, KND 22, TV 22, TD 22)	0	Nguyễn Thị Suối Linh	09/09/2024-22/12/2024	15	1,2,3	3B.501											
6	HDJ131	3	Công tác xã hội đại cương_01 (CTXH 22)	0	Nguyễn Thị Hồng Trâm	09/09/2024-22/12/2024	15									1,2,3	3B.503			
7	LIT131	3	Dẫn luận ngôn ngữ_01 (DTTS 22)	0	Nguyễn Thị Trà My	09/09/2024-22/12/2024	15	7,8,9	3B.201											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
8	SIT231	3	Địa lý du lịch_01 (QTDV 22)	0	Đỗ Thị Vân Hương	09/09/2024-22/12/2024	15					4,5	3B.202							
					Đỗ Thị Vân Hương		15									1,2	3B.202			
9	SIT231	3	Địa lý du lịch_02 (DL 22)	0	Chu Thành Huy	09/09/2024-22/12/2024	15					2,3	3B.501							
					Chu Thành Huy		15									3,4	3B.501			
10	ATH231	3	Điền kinh_01 (TD 22)	0	Dương Minh Cường	09/09/2024-22/12/2024	15									3,4,5	Sân tập 10			
11	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_01 (TQ1 22, Sứ 22)	0	Dương Minh Cường	09/09/2024-17/11/2024	10									9,10,11	Sân tập 1			
12	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_02 (TQ2 22, Toán 22)	0	Nguyễn Đức Toàn	09/09/2024-17/11/2024	10							9,10,11	Sân tập 1					
13	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_03 (TQ3 22, TT 22)	0	Dương Minh Cường	09/09/2024-17/11/2024	10			9,10,11	Sân tập 1									
14	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_04 (TQ4 22)	0	Nguyễn Đức Toàn	09/09/2024-17/11/2024	10	9,10,11	Sân tập 1											
15	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_05 (TQ5 22)	0	Dương Minh Cường	09/09/2024-17/11/2024	10					9,10,11	Sân tập 1							
16	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_06 (HQ1 22, HóaGV 22, HóaCN 22)	0	Nguyễn Đức Toàn	09/09/2024-17/11/2024	10									9,10,11	Sân tập 1			
17	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_07 (HQ2 22, Lý 22, TV 22)	0	Nguyễn Đức Toàn	09/09/2024-17/11/2024	10			9,10,11	Sân tập 1									
18	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_08 (HQ3 22, CNSH 22, QLTN 22)	0	Đỗ Thái Phong	09/09/2024-17/11/2024	10	9,10,11	Sân tập 1											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
19	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_09 (KHQL 22, BC 22)	0	Dương Minh Cường	09/09/2024-17/11/2024	10	9,10,11	Sân tập 1											
20	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_10 (QTDV 22)	0	Nguyễn Đức Toàn	09/09/2024-17/11/2024	10					9,10,11	Sân tập 1							
21	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_11 (DL 22, DVPL 22, CTXH 22)	0	Dương Văn Tiệp	09/09/2024-17/11/2024	10							9,10,11	Sân tập 1					
22	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_12 (AT 22)	0	Đỗ Thái Phong	09/09/2024-17/11/2024	10			9,10,11	Sân tập 1									
23	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_13 (Anh 22, AH 22)	0	Đỗ Thái Phong	09/09/2024-17/11/2024	10					9,10,11	Sân tập 1							
24	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_14 (Luật1 22, Luật2 22)	0	Đỗ Thái Phong	09/09/2024-17/11/2024	10							9,10,11	Sân tập 1					
25	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_15 (Văn 22, DTTS 22, KND 22)	0	Dương Văn Tiệp	09/09/2024-17/11/2024	10									9,10,11	Sân tập 1			
26	GEC131	3	Hóa đại cương_01 (HóaCN 22, CNSH 22)	0	Nguyễn Thị Hồng Hoa	09/09/2024-10/11/2024	9	2,3,4,5	3B.201											
					Nguyễn Thị Hồng Hoa	11/11/2024-15/12/2024	5	2,3,4,5	PTN											
27	GMS341	4	Khoa học quản lý đại cương_01 (KHQL 22)	0	Nguyễn Thị Kim Phương	09/09/2024-22/12/2024	15									2,3,4,5	3B.102			
28	SIN141	4	Kỹ năng đọc viết tiếng Anh A2_01 (KND 22, DVPL 22, CNSH 22)	0	Phan Thị Hòa	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2	3B.201							
					Phan Thị Hòa		15									4,5	3B.201			
29	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_09 (KHQL 22)	0	Nghiêm Thị Hồ Thu	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.102							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
30	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_10 (Luật1 22)	0	Phạm Thị Phương Thái	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2,3	3B.301									
31	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_11 (Luật2 22, BC 22, TV 22)	0	Trịnh Thị Thu Hoà	09/09/2024-22/12/2024	15									1,2,3	3B.302			
32	SKG231	3	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch_01 (QTDV 22)	0	Đàm Thị Tầm	09/09/2024-22/12/2024	15			7,8,9,10	3B.103									
33	SKI131	3	Kỹ năng nghe nói Tiếng Anh A2_01 (KND 22, DVPL 22, CNSH 22)	0	Nguyễn Thị Tuyết	09/09/2024-22/12/2024	15							3,4,5	3B.201					
34	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_01 (TQ1 22)	0	Dương Thị Huyền	09/09/2024-22/12/2024	15			7,8,9	3B.202									
35	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_02 (TQ2 22)	0	Vũ Thị Thu Hà	09/09/2024-22/12/2024	15									3,4,5	3B.402			
36	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_03 (TQ3 22)	0	Vũ Thị Thu Hà	09/09/2024-22/12/2024	15	3,4,5	3B.403											
37	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_04 (TQ4 22)	0	Vũ Thị Thu Hà	09/09/2024-22/12/2024	15							3,4,5	3B.304					
38	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_05 (TQ5 22)	0	Vũ Thị Thu Hà	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.303							
39	NEF331	3	Lịch sử Việt Nam_02 (DL 22)	0	Mai Thị Hồng Vĩnh	09/09/2024-22/12/2024	15			3,4,5	3B.501									
40	QIN221	2	Luyện âm tiếng Anh_01 (Anh 22)	0	Lại Thị Thanh	09/09/2024-22/12/2024	15	4,5	3B.503											
41	QIN221	2	Luyện âm tiếng Anh_02 (AT 22)	0	Lại Thị Thanh	09/09/2024-22/12/2024	15	2,3	3B.502											
42	QIN221	2	Luyện âm tiếng Anh_03 (AH 22)	0	Lại Thị Thanh	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2	3B.102									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
43	QIN221	2	Luyện âm tiếng Anh_04 (Toán 22, TT 22, HóaGV 22, Sử 22)	0	Lại Thị Thanh	09/09/2024-22/12/2024	15			3,4	3B.204									
44	QIN221	2	Luyện âm tiếng Anh_05 (Văn 22)	0	Lại Thị Thanh	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2	3B.504							
45	MCI152	5	Lý luận Nhà nước và pháp luật_01 (Luật1 22)	0	Nguyễn Thị Hoàng Lan	09/09/2024-15/12/2024	14			9,10,11	3B.201									
					Nguyễn Thị Hoàng Lan		14					1,2,3	3B.301							
46	MCI152	5	Lý luận Nhà nước và pháp luật_02 (Luật2 22)	0	Trịnh Vương An	09/09/2024-15/12/2024	14			1,2,3	3B.302									
					Nguyễn Thị Hoàng Lan		14							3,4,5	3B.302					
47	MCI152	5	Lý luận Nhà nước và pháp luật_03 (DVPL 22)	0	Nguyễn Thị Hoàng Lan	09/09/2024-08/12/2024	13			4,5	3B.201									
					Nguyễn Thị Hoàng Lan		13									1,2,3	3B.201			
					Nguyễn Thị Hoàng Lan		13							1,2	3B.201					
48	SPN431	3	Môi trường và phát triển bền vững_03 (QLTN 22, HóaCN 22)	0	Nguyễn Thị Tuyết	09/09/2024-27/10/2024	7							1,2	3B.104					
					Nguyễn Thu Hường	28/10/2024-22/12/2024	8							1,2	3B.104					
					Nguyễn Thị Tuyết	04/11/2024-24/11/2024	3					7,8,9,10,11	Thực hành 1							
					Nguyễn Thu Hường	25/11/2024-15/12/2024	3					7,8,9,10,11	Thực hành 1							



Handwritten signature

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
49	LFC131	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 1_01 (TQ1 22)	0	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	30/09/2024-22/12/2024	12	1,2	3B.401											
					MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12							3,4,5	3B.401					
50	LFC131	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 1_02 (TQ2 22)	0	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	30/09/2024-22/12/2024	12					1,2	3B.402							
					MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12	3,4,5	3B.402											
51	LFC131	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 1_03 (TQ3 22)	0	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	30/09/2024-22/12/2024	12									1,2	3B.403			
					MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12					3,4,5	3B.403							
52	LFC131	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 1_04 (TQ4 22)	0	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	30/09/2024-22/12/2024	12			1,2	3B.304									
					MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12									3,4,5	3B.304			
53	LFC131	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 1_05 (TQ5 22)	0	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	30/09/2024-22/12/2024	12							1,2	3B.303					
					MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12			3,4,5	3B.303									
54	PNG131	3	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản_01 (Anh 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15			3,4,5	3B.202									
55	PNG131	3	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản_02 (AT 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.502							
56	PNG131	3	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản_03 (AH 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15							1,2,3	3B.103					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
57	PNG131	3	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản_04 (Toán 22, TT 22, HóaGV 22, Sứ 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15									1,2,3	3B.204			
58	PNG131	3	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản_05 (Văn 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15	3,4,5	3B.504											
59	SFK231	3	Nhập môn Hàn Quốc học_01 (HQ1 22)	0	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/09/2024-03/11/2024	8					3,4,5	3B.101							
					Dương Thị Huyền	04/11/2024-29/12/2024	8					3,4,5	3B.101							
60	SFK231	3	Nhập môn Hàn Quốc học_02 (HQ2 22)	0	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/09/2024-03/11/2024	8									3,4,5	3B.103			
					Dương Thị Huyền	04/11/2024-29/12/2024	8									3,4,5	3B.103			
61	SFK231	3	Nhập môn Hàn Quốc học_03 (HQ3 22)	0	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/09/2024-03/11/2024	8						3,4,5	3B.104						
					Dương Thị Huyền	04/11/2024-29/12/2024	8						3,4,5	3B.104						
62	IST331	3	Nhập môn khoa học du lịch_01 (QTDV 22)	0	Hoàng Thị Phương Nga	09/09/2024-22/12/2024	15	2,3	3B.202											
					Hoàng Thị Phương Nga		15									3,4	3B.202			
63	IST331	3	Nhập môn khoa học du lịch_02 (DL 22)	0	Hoàng Thị Phương Nga	09/09/2024-22/12/2024	15							2,3,4,5	3B.501					
64	SLC131	3	Nhập môn Trung Quốc học_01 (TQ1 22)	0	Phan Phạm Chi Mai	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2,3	3B.401									
65	SLC131	3	Nhập môn Trung Quốc học_02 (TQ2 22)	0	Phan Phạm Chi Mai	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.402							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
66	SLC131	3	Nhập môn Trung Quốc học_03 (TQ3 22)	0	Phan Phạm Chi Mai	09/09/2024-22/12/2024	15							3,4,5	3B.403					
67	SLC131	3	Nhập môn Trung Quốc học_04 (TQ4 22)	0	Phan Phạm Chi Mai	09/09/2024-22/12/2024	15	1,2,3	3B.304											
68	SLC131	3	Nhập môn Trung Quốc học_05 (TQ5 22)	0	Phan Phạm Chi Mai	09/09/2024-22/12/2024	15									3,4,5	3B.303			
69	LIW322	2	Pháp luật đại cương_01 (HQ1 22)	0	Nguyễn Thị Thu Hường	09/09/2024-27/10/2024	7					1,2	3B.101							
					Dương Thị Xuân Quý	28/10/2024-22/12/2024	8					1,2	3B.101							
70	LIW322	2	Pháp luật đại cương_02 (HQ2 22, HóaCN 22)	0	Dương Thị Thúy	09/09/2024-22/12/2024	15			4,5	3B.103									
71	LIW322	2	Pháp luật đại cương_03 (HQ3 22)	0	Dương Thị Thúy	09/09/2024-22/12/2024	15					4,5	3B.104							
72	LIW322	2	Pháp luật đại cương_04 (KHQL 22)	0	Nguyễn Thị Thùy Giang	09/09/2024-27/10/2024	7							1,2	3B.102					
					Dương Thị Thúy	28/10/2024-22/12/2024	8							1,2	3B.102					
73	LIW322	2	Pháp luật đại cương_05 (Văn 22, CTXH 22)	0	Dương Thị Thúy	09/09/2024-22/12/2024	15							4,5	3B.504					
74	LIW322	2	Pháp luật đại cương_06 (Toán 22, TT 22, HóaGV 22, Sử 22)	0	Dương Thị Thúy	09/09/2024-22/12/2024	15	4,5	3B.204											
75	GEP331	3	Tâm lý học đại cương_01 (CTXH 22, TV 19)	0	Nguyễn Thị Hồng Trâm	09/09/2024-22/12/2024	12	1,2	3B.403											
				0	Nguyễn Thị Hồng Trâm	09/09/2024-22/12/2024	12			1,2	3B.403									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
76	GEP221	2	Tâm lý học đại cương_02 (KHQL 22)	0	Nguyễn Thị Hồng Trâm	09/09/2024-22/12/2024	15	3,4	3B.102											
77	LIC131	3	Thư viện học đại cương_01 (TV 22)	0	Nguyễn Minh Nguyệt	09/09/2024-22/12/2024	15							9,10,11	3B.104					
78	ENG141	4	Tiếng Anh 1_01 (KHQL 22)	0	Bùi Thị Ngoan	09/09/2024-22/12/2024	15	1,2	3B.102											
					Bùi Thị Ngoan		15					1,2	3B.102							
79	ENG141	4	Tiếng Anh 1_02 (QTDV 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2	3B.202									
					Nguyễn Thị Thảo		15							4,5	3B.202					
80	ENG141	4	Tiếng Anh 1_03 (DL 22, DTTS 22)	0	Phùng Thị Hải Vân	09/09/2024-22/12/2024	15					4,5	3B.501							
					Phùng Thị Hải Vân		15									1,2	3B.501			
81	ENG141	4	Tiếng Anh 1_04 (Luật1 22, TD 22)	0	Lại Thị Thanh	09/09/2024-22/12/2024	15					4,5	3B.301							
					Lại Thị Thanh		15									1,2	3B.301			
82	ENG141	4	Tiếng Anh 1_05 (Luật2 22, HóaCN 22)	0	Phùng Thị Hải Vân	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2	3B.302							
					Phùng Thị Hải Vân		15									4,5	3B.302			
83	ENG141	4	Tiếng Anh 1_06 (QLTN 22, Lý 22)	0	Phan Thị Hòa	09/09/2024-22/12/2024	15					4,5	3B.103							
					Phan Thị Hòa		15									1,2	3B.303			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
84	ENG141	4	Tiếng Anh 1_07 (BC 22, CTXH 22, TV 22)	0	Nguyễn Thị Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2	3B.503							
					Nguyễn Thị Thảo		15									4,5	3B.503			
85	ENG241	4	Tiếng Anh 1A_01 (Anh 22)	0	Phạm Phương Hoa	09/09/2024-22/12/2024	15	2,3	3B.503											
					Phạm Phương Hoa		15									4,5	3B.502			
86	ENG241	4	Tiếng Anh 1A_02 (AT 22)	0	Phạm Phương Hoa	09/09/2024-22/12/2024	15	4,5	3B.502											
					Phạm Phương Hoa		15					1,2	3B.502							
87	ENG241	4	Tiếng Anh 1A_03 (AH 22)	0	Phạm Phương Hoa	09/09/2024-22/12/2024	15			3,4	3B.102									
					Phạm Phương Hoa		15							4,5	3B.103					
88	ENG241	4	Tiếng Anh 1A_04 (Toán 22, TT 22, HóaGV 22, Sử 22)	0	Phạm Phương Hoa	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2	3B.204									
					Phạm Phương Hoa		15					4,5	3B.204							
89	ENG241	4	Tiếng Anh 1A_05 (Văn 22)	0	Phạm Phương Hoa	09/09/2024-22/12/2024	15							2,3	3B.504					
					Phạm Phương Hoa		15									1,2	3B.504			
90	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_03 (KND 22, DVPL 22, CNSH 22)	0	Bùi Thị Ngoan	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2,3	3B.201									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
91	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_01 (HQ1 22)	0	Trần Thị Thanh Hương	09/09/2024-22/12/2024	15			4,5	3B.101									
					Trần Thị Thanh Hương		15							4,5	3B.101					
92	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_02 (HQ2 22, AH 22)	0	Trần Thị Thanh Hương	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2	3B.303							
					Trần Thị Thanh Hương		15									1,2	3B.103			
93	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_03 (HQ3 22)	0	Trần Thị Thanh Hương	09/09/2024-22/12/2024	15	2,3	3B.104											
					Trần Thị Thanh Hương		15			1,2	3B.104									
94	CHE241	4	Tiếng Trung 1_01 (AT 22)	0	Ngô Thị Minh Loan	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2	3B.502									
					Ngô Thị Minh Loan		15							1,2	3B.502					
95	CHE241	4	Tiếng Trung 1_02 (Anh 22, DL 22)	0	Nguyễn Văn Tiến	09/09/2024-22/12/2024	15			8,9,10,11	3B.101									
96	CDJ241	4	Tiếng Trung tổng hợp 1_01 (TQ1 22)	0	Vi Thị Bích Ngọc	09/09/2024-01/12/2024	12	3,4,5	3B.401											
					Vi Thị Bích Ngọc		12					1,2	3B.401							
					Vi Thị Bích Ngọc	02/12/2024-22/12/2024	3	3,4,5	Thực hành 1											
					Vi Thị Bích Ngọc		3					1,2	Thực hành 1							

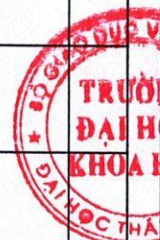
TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
97	CDJ241	4	Tiếng Trung tổng hợp 1_02 (TQ2 22)	0	Hoàng Kiều Trinh	09/09/2024-01/12/2024	12							3,4,5	3B.402					
					Hoàng Kiều Trinh		12			1,2	3B.402									
					Hoàng Kiều Trinh	02/12/2024-22/12/2024	3			1,2	Thực hành 1									
					Hoàng Kiều Trinh		3							3,4,5	Thực hành 1					
98	CDJ241	4	Tiếng Trung tổng hợp 1_03 (TQ3 22)	0	Hoàng Kiều Trinh	09/09/2024-01/12/2024	12			3,4,5	3B.403									
					Hoàng Kiều Trinh		12							1,2	3B.403					
					Hoàng Kiều Trinh	02/12/2024-22/12/2024	3			3,4,5	Thực hành 1									
					Hoàng Kiều Trinh		3							1,2	Thực hành 1					
99	CDJ241	4	Tiếng Trung tổng hợp 1_04 (TQ4 22)	0	Vũ Thảo Nhi	09/09/2024-01/12/2024	12			3,4,5	3B.304									
					Vũ Thảo Nhi		12							1,2	3B.304					
					Vũ Thảo Nhi	02/12/2024-22/12/2024	3							1,2	Thực hành 1					
					Vũ Thảo Nhi		3			3,4,5	Thực hành 1									
100	CDJ241	4	Tiếng Trung tổng hợp 1_05 (TQ5 22)	0	Vũ Thảo Nhi	09/09/2024-01/12/2024	12							3,4,5	3B.303					
					Vũ Thảo Nhi		12			1,2	3B.303									
					Vũ Thảo Nhi	02/12/2024-22/12/2024	3			1,2	Thực hành 1									
					Vũ Thảo Nhi		3							3,4,5	Thực hành 1					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
101	PVN331	3	Tiếng Việt thực hành_01 (BC 22, TD 22, TV 20, Sử 20)	0	Lý Thị Quỳnh Anh	09/09/2024-22/12/2024	15							3,4,5	3B.503					
102	GIF131	3	Tin học đại cương_01 (HQ1 22)	0	Hoàng Hoài Nam	16/09/2024-24/11/2024	10							1,2,3	3B.101					
103	GIF131	3	Tin học đại cương_01 (HQ1 22)_TH1	0	Bế Quang Huân	07/10/2024-15/12/2024	10									3,4,5	PM 1			
104	GIF131	3	Tin học đại cương_01 (HQ1 22)_TH2	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10									3,4,5	PM 2			
105	GIF131	3	Tin học đại cương_01 (HQ1 22)_TH3	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10			1,2,3	PM 2									
106	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (HQ2 22, Lý 22)	0	Hoàng Thị Hà	16/09/2024-24/11/2024	10	3,4,5	3B.103											
107	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (HQ2 22, Lý 22)_TH1	0	Bế Quang Huân	07/10/2024-15/12/2024	10							3,4,5	PM 2					
108	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (HQ2 22, Lý 22)_TH2	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10							3,4,5	PM 1					
109	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (HQ2 22, Lý 22)_TH3 (lý)	0	Bế Quang Huân	07/10/2024-15/12/2024	10							8,9,10	PM 2					
110	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (HQ3 22)	0	Nguyễn Huyền Trang	16/09/2024-24/11/2024	10			3,4,5	3B.104									
111	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (HQ3 22)_TH1	0	Nguyễn Huyền Trang	07/10/2024-15/12/2024	10									2,3,4	PM 3			
112	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (HQ3 22)_TH2	0	Bế Quang Huân	07/10/2024-15/12/2024	10									8,9,10	PM 4			
113	GIF131	3	Tin học đại cương_04 (Luật1 22, QLTN 22)	0	Hoàng Hoài Nam	16/09/2024-24/11/2024	10									3,4,5	3B.301			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
114	GIF131	3	Tin học đại cương_04 (Luật1 22, QLTN 22)_TH1 (Luật)	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10	8,9,10	PM 2											
115	GIF131	3	Tin học đại cương_04 (Luật1 22, QLTN 22)_TH2 (Luật)	0	Bế Quang Huân	07/10/2024-15/12/2024	10	7,8,9	PM 1											
116	GIF131	3	Tin học đại cương_04 (Luật1 22, QLTN 22)_TH3 (QLTN)	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10	3,4,5	PM 2											
117	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (Luật2 22, CNSH 22)	0	Hoàng Hoài Nam	16/09/2024-24/11/2024	10					3,4,5	3B.302							
118	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (Luật2 22, CNSH 22)_TH1	0	Hoàng Hoài Nam	07/10/2024-15/12/2024	10			8,9,10	PM 1									
119	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (Luật2 22, CNSH 22)_TH2	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10					8,9,10	PM 1							
120	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (Luật2 22, CNSH 22)_TH3 (CNSH)	0	Trịnh Minh Phú	07/10/2024-15/12/2024	10									8,9,10	PM 2			
121	GIF131	3	Tin học đại cương_06 (KHQL 22)	0	Hoàng Thị Hà	16/09/2024-24/11/2024	10							3,4,5	3B.102					
122	GIF131	3	Tin học đại cương_06 (KHQL 22)_TH1	0	Bế Quang Huân	07/10/2024-15/12/2024	10			3,4,5	PM 1									
123	GIF131	3	Tin học đại cương_06 (KHQL 22)_TH2	0	Hoàng Hoài Nam	07/10/2024-15/12/2024	10									8,9,10	PM 1			
124	GIF131	3	Tin học đại cương_07 (BC 22, CTXH 22, TV 22, TD 22)	0	Hoàng Thị Hà	16/09/2024-24/11/2024	10			3,4,5	3B.503									
125	GIF131	3	Tin học đại cương_07 (BC 22, CTXH 22, TV 22, TD 22)_TH1 (BC)	0	Hoàng Hoài Nam	07/10/2024-15/12/2024	10	3,4,5	PM 4											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
126	GIF131	3	Tin học đại cương_07 (BC 22, CTXH 22, TV 22, TD 22)_TH2 (CTXH)	0	Nguyễn Huyền Trang	07/10/2024-15/12/2024	10	3,4,5	PM 3											
127	GIF131	3	Tin học đại cương_07 (BC 22, CTXH 22, TV 22, TD 22)_TH3 (TV, TD)	0	Hoàng Hoài Nam	07/10/2024-15/12/2024	10					8,9,10	PM 2							
128	MAP231	3	Toán cho Vật lý_01 (Lý 22)	0	Lê Văn Hoàng	09/09/2024-22/12/2024	15									3,4,5	3B.504			
129	TAA131	3	Tổng quan du lịch và lưu trú_01 (KND 22)	0	Đào Thị Hồng Thúy	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.201							
130	TPL231	3	Tổng quan về người Tây và tiếng Tây ở Việt Nam_01 (DTTS 22)	0	Phạm Thị Phương Thái	09/09/2024-03/11/2024	8							7,8,9	3B.202					
					Đàm Thị Tầm	04/11/2024-22/12/2024	7							7,8,9	3B.202					
131	GEG231	3	Trắc địa đại cương_01 (QLTN 22)	0	Nguyễn Thị Hồng	09/09/2024-22/12/2024	15					2,3	3B.103							
					Nguyễn Thị Hồng	04/11/2024-15/12/2024	6									7,8,9,10,11	Thực hành 1			
132	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_01 (TQ1 22)	0	Trịnh Thị Nghĩa	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.401							
133	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_02 (TQ2 22)	0	Trịnh Thị Nghĩa	09/09/2024-22/12/2024	15			3,4,5	3B.402									
134	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_03 (TQ3 22)	0	Trịnh Thị Nghĩa	09/09/2024-22/12/2024	15									3,4,5	3B.403			
135	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_04 (TQ4 22)	0	Đinh Thị Hiền	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.304							
136	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_05 (TQ5 22)	0	Trịnh Thị Nghĩa	09/09/2024-22/12/2024	15	3,4,5	3B.303											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
137	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_06 (AT 22, Lý 22)	0	Trịnh Thị Nghĩ	09/09/2024-22/12/2024	15							3,4,5	3B.502					
138	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_07 (Anh 22)	0	Lê Thị Sự	09/09/2024-22/12/2024	15									1,2,3	3B.502			
139	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_08 (Luật1 22, HóaCN 22)	0	Lê Thị Sự	09/09/2024-22/12/2024	15							3,4,5	3B.301					
140	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_09 (Luật2 22, DVPL 22, AH 22)	0	Lê Thị Sự	09/09/2024-22/12/2024	15	1,2,3	3B.302											
141	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_10 (Văn 22, DTTS 22)	0	Lê Thị Sự	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2,3	3B.504									
142	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_11 (Toán 22, TT 22, HóaGV 22, Sử 22)	0	Lê Thị Sự	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2,3	3B.204							
143	FJS131	3	Từ vựng tiếng Anh_01 (Anh 22)	0	Dương Thị Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15							3,4,5	3B.204					
144	FJS131	3	Từ vựng tiếng Anh_02 (AT 22)	0	Dương Thị Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15			3,4,5	3B.502									
145	FJS131	3	Từ vựng tiếng Anh_03 (AH 22)	0	Dương Thị Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15									3,4,5	3B.101			
146	FJS131	3	Từ vựng tiếng Anh_04 (Toán 22, TT 22, HóaGV 22, Sử 22)	0	Dương Thị Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15	1,2,3	3B.204											
147	FJS131	3	Từ vựng tiếng Anh_05 (Văn 22)	0	Dương Thị Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4,5	3B.504							
148	LDK131	3	Từ vựng tiếng Hàn_01 (HQ1 22)	0	Nguyễn Thị Thúy Hường	09/09/2024-22/12/2024	15	1,2,3	3B.101											
149	LDK131	3	Từ vựng tiếng Hàn_02 (HQ2 22)	0	Nguyễn Thị Thúy Hường	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2,3	3B.103									



Handwritten signature

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
150	LDK131	3	Tư vưng tiếng Hàn_03 (HQ3 22)	0	Nguyễn Thị Thúy Hường	09/09/2024-01/12/2024	12	4,5	3B.104											
					Nguyễn Thị Thúy Hường		12					2,3	3B.104							
151	PSE251	5	Vật lý I_01 (Lý 22)	0	Lê Tiến Hà	09/09/2024-22/12/2024	15					1,2,3	3B.202							
					Lê Tiến Hà	23/09/2024-15/12/2024	12			1,2,3,4,5	PTN									
152	GES132	3	Xã hội học đại cương_03 (BC 22, CTXH 22, TV 22)	0	Trần Thị Phương Thảo	09/09/2024-22/12/2024	15					3,4,5	3B.503							
153	PRS131	3	Xác suất thống kê_01 (QLTN 22, HóaCN 22)	0	Nguyễn Song Hà	09/09/2024-22/12/2024	15			1,2,3	3B.101									

Ghi chú:

Các học phần thực tập thực tế, giờ thực hành sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa
 Các học phần Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/ Viện/ Bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Vũ Xuân Hòa

